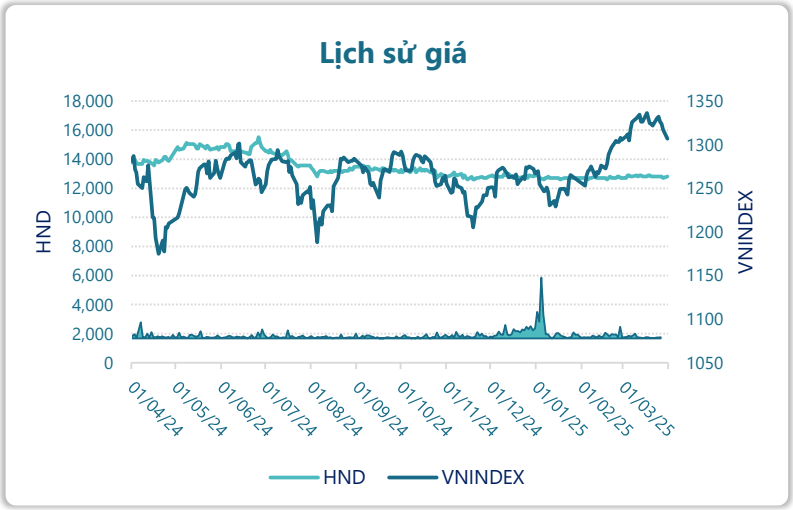
FireAnt

CTCP Nhiệt điện Hải Phòng (UPCOM: HND)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**12,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,516
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,600
SL cổ phiếu LH	500,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	25,665
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,400
P/E	14.8
EPS	866

DT thuần

Q1/25

2,657

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 226| 9.3%

YoY: ▼132| -4.7%

LN sau thuế

Q1/25

166

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 166| 66537%

YoY: ▲ 11.0| 7.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

2.6%

+/- YoY: ▼ 1.9%

DT thuần

2024

11,036

tỷ VNĐ

YoY: ▼407| -3.6%

LN sau thuế

2024

259

tỷ VNĐ

YoY: ▼182| -41.3%

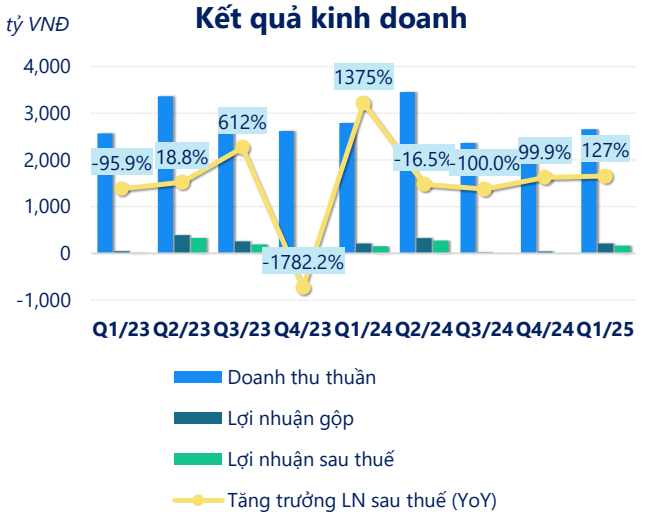
ROE

2024

4.4%

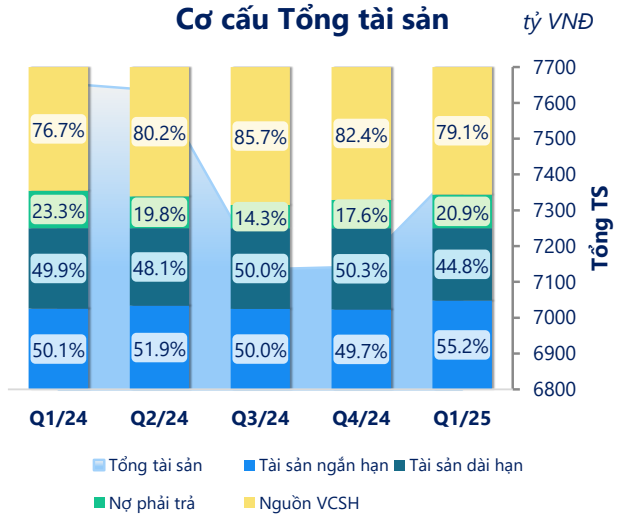
+/- YoY: ▼ 2.7%

Kết quả kinh doanh



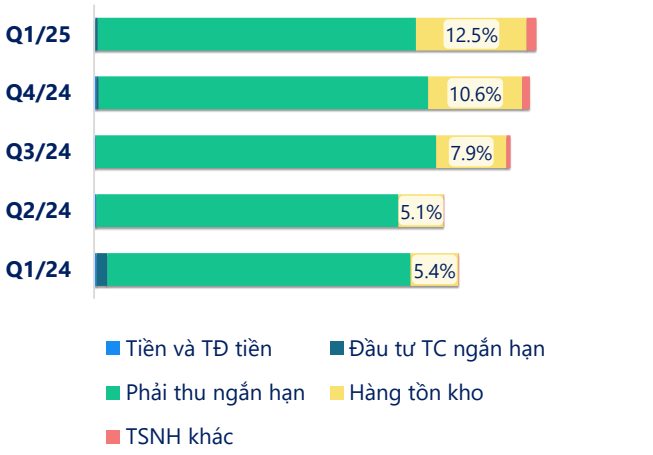
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



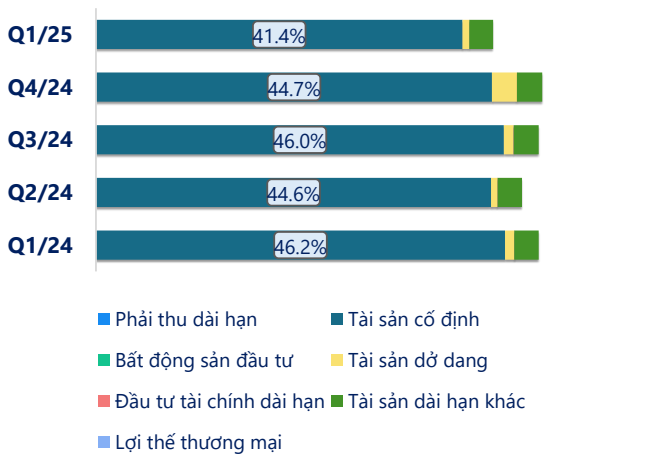
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



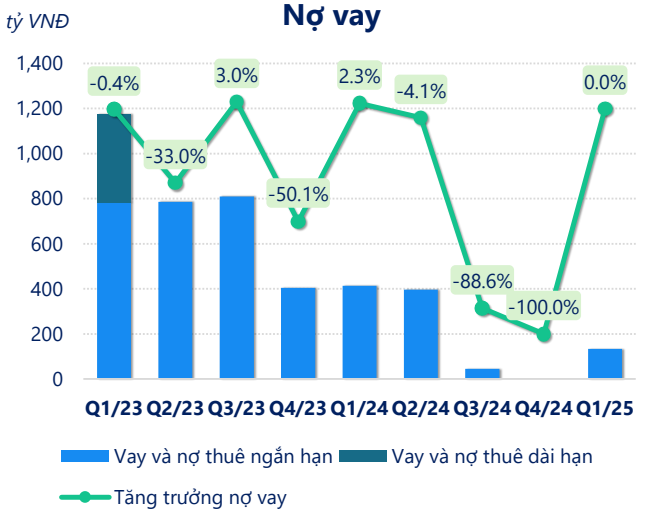
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



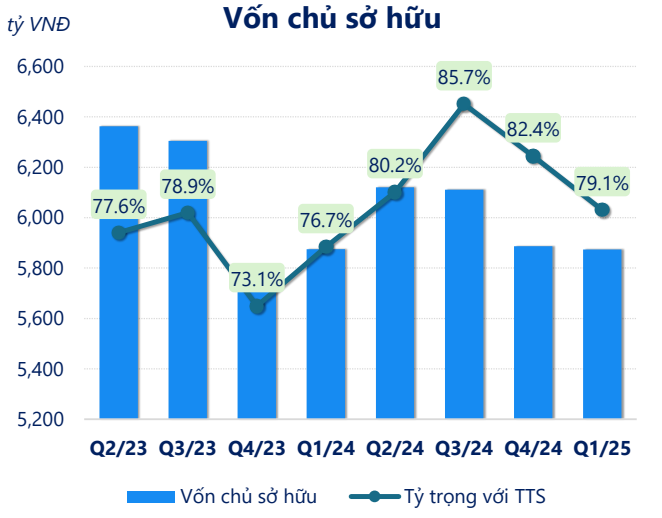
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



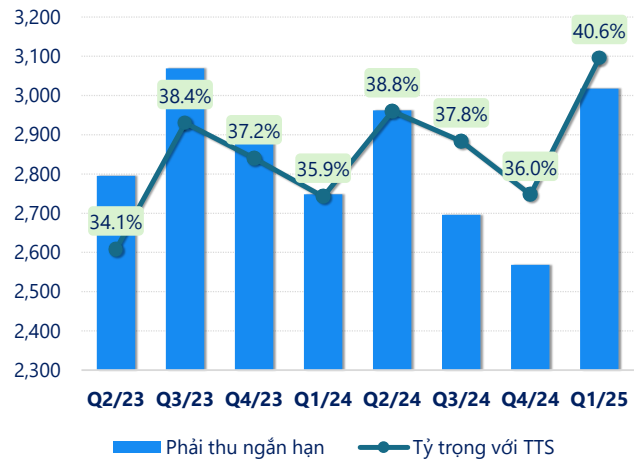
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



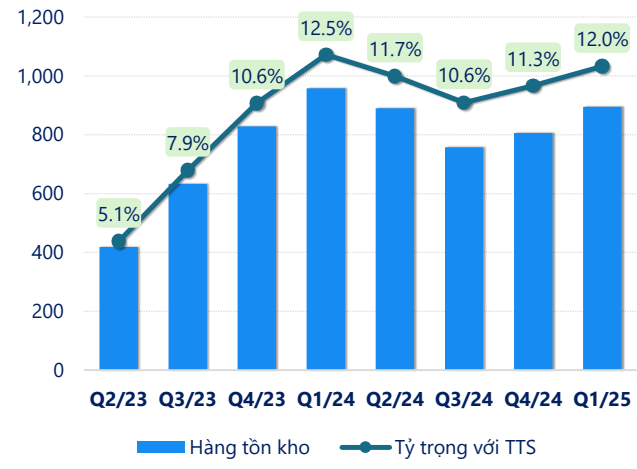
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



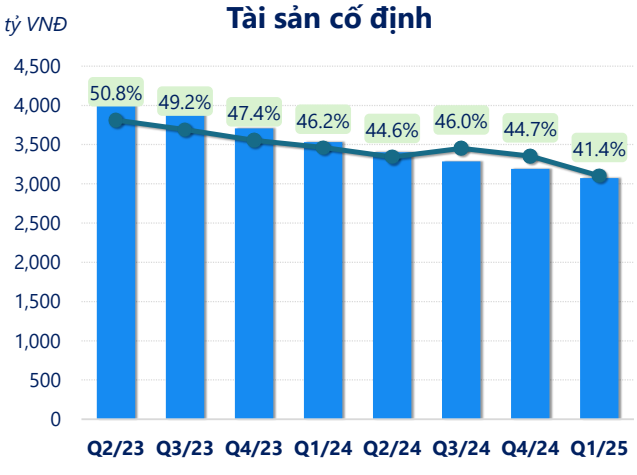
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



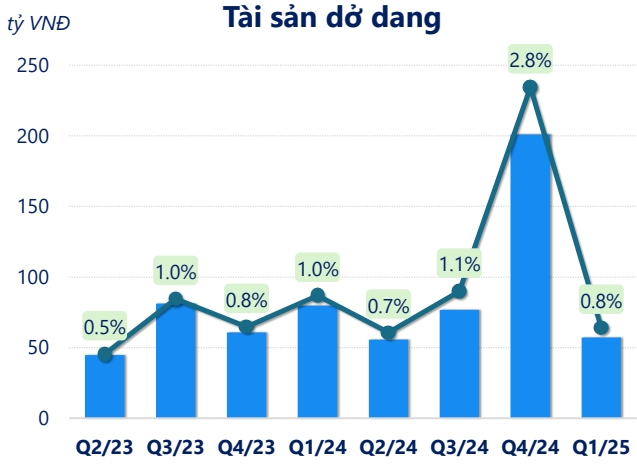
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



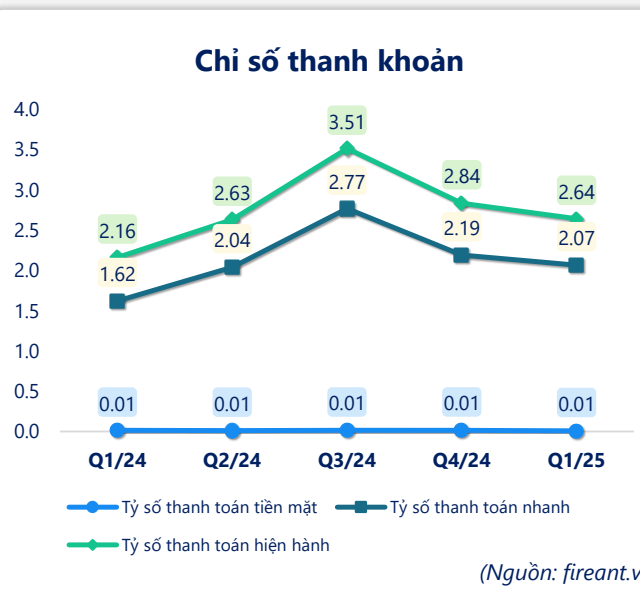
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



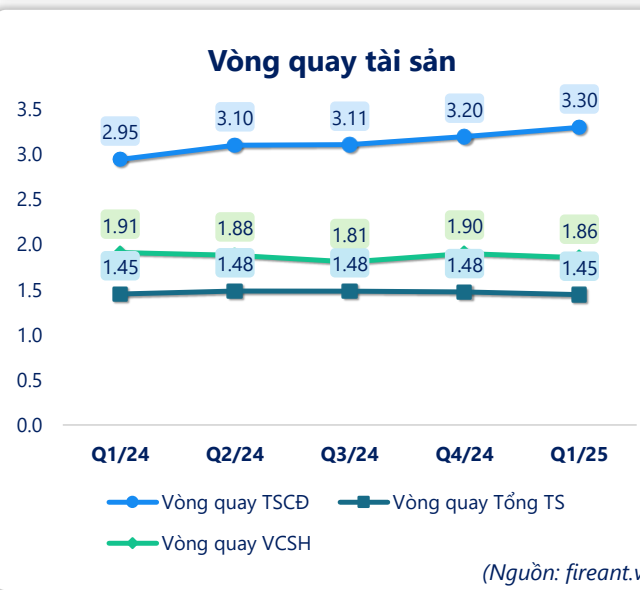
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**7,656**	**7,634**	**7,135**	**7,143**	**7,430**
Tài sản ngắn hạn	**3,832**	**3,963**	**3,570**	**3,547**	**4,099**
Tiền và tương đương tiền	22.8	17.8	14.0	18.2	12.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.0	5.00	5.00	15.0	15.0
Phải thu ngắn hạn	2,748	2,962	2,696	2,569	3,017
Hàng tồn kho	958	890	757	806	895
Tài sản ngắn hạn khác	83.2	87.9	98.6	139	160
Tài sản dài hạn	**3,824**	**3,671**	**3,565**	**3,596**	**3,330**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	3,534	3,404	3,284	3,192	3,073
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	79.8	55.6	76.9	201	57.2
Đầu tư tài chính dài hạn	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50
Tài sản dài hạn khác	209	211	203	202	200
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,780**	**1,514**	**1,024**	**1,257**	**1,556**
Nợ ngắn hạn	**1,772**	**1,506**	**1,016**	**1,251**	**1,550**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	413	396	45.0	0	134
Phải trả người bán ngắn hạn	914	902	844	969	1,242
Nợ dài hạn	7.92	7.86	7.79	6.01	5.94
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**5,875**	**6,120**	**6,111**	**5,886**	**5,873**
Vốn chủ sở hữu	**5,875**	**6,120**	**6,111**	**5,886**	**5,873**
Vốn điều lệ	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)